

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG
TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.: 207/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Quỹ: **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
 - Điện thoại: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
 - Email: mafmc@miraeasset.com website: <http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố:**
Công bố thông tin tài liệu Đại hội Nhà đầu tư Thường niên tổ chức năm 2023 theo hình thức họp trực tiếp của quỹ MAGEF.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 29 tháng 03 năm 2023 tại đường dẫn: <https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-magef>
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:
Tài liệu đại hội*

**Người công bố thông tin
Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật**



THÔNG BÁO

V/v: Đại hội Nhà Đầu tư thường niên tổ chức năm 2023

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM (“MAGEF”)

Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (“MAGEF”), quỹ MAGEF xin trân trọng thông báo đến Quý nhà đầu tư về việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 thông qua hình thức họp trực tiếp.

Bằng văn bản này, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) kính mời Quý nhà đầu tư tham gia họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 của Quỹ MAGEF.

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023

Thời gian: 9h00, Thứ Năm, ngày 27/04/2023

Địa điểm: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Hình thức tham dự: Họp trực tiếp tại Đại hội, hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Chương trình Đại hội, mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội và các Tài liệu đại hội của Quỹ được đăng tải tại phần **Quan hệ nhà đầu tư – Tin hoạt động quỹ** trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) theo địa chỉ <https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-magef>

Điều kiện tham dự đại hội:

Nhà đầu tư có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên năm 2023 là những nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư chốt ngày 27/03/2023.

Xác nhận tham dự:

Nhà Đầu Tư đến tham dự Đại Hội vui lòng xác nhận việc tham dự Đại Hội qua email: mafmc_ops@miraeasset.com trước ngày 25/04/2023.

Ủy quyền tham dự:

Quý Nhà đầu tư không thể tham dự Đại hội, vui lòng ủy quyền cho người khác bằng cách điền vào mẫu Giấy ủy quyền (được gửi kèm trong thư mời Đại hội) và fax về Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) theo số 024 3564 0555 trước 15h00 ngày 25/04/2023, sau đó gửi bản gốc về Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam). Người được ủy quyền phải xuất trình kèm CMND/CCCD khi tham dự đại hội. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

Mọi thắc mắc, ý kiến đóng góp về nội dung chương trình đại hội hoặc thông tin khác, Quý nhà đầu tư vui lòng gửi văn bản đến Trụ sở chính Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) trước 17h30 ngày 25/04/2023 theo địa chỉ:

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)



Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3564 0666

Fax: 024 3564 0555

Trân trọng,

**TM. CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**



HUI HONG SUK
Chủ tịch Công ty



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023 QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM (MAGEF)



A. Thời gian tổ chức

Thời gian: 9h00, Thứ Năm, ngày 27/04/2023

Địa điểm: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Hình thức tham dự: Họp trực tiếp tại Đại hội, hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

B. Nội dung chương trình

Phần 1: Chào đón khách và khai mạc

- Chào đón Khách.
- Báo cáo tỷ lệ nhà đầu tư tham dự Đại hội.
- Thông qua Chương trình đại hội.
- Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
- Phát biểu khai mạc.

Phần 2: Trình bày các vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết và biểu quyết

- Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023
- Trình bày Báo cáo tổng kết của Ngân hàng giám sát năm 2022
- Trình bày Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2022
- Xin ý kiến phê duyệt các nội dung sau:
 - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023
 - Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Quỹ
 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Quỹ
 - Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2023
 - Thông qua thù lao và ngân sách hoạt động năm 2023 của Ban Đại Diện Quỹ

Phần 3: Thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Phần 4: Bế mạc Đại hội.

C. Tài liệu Đại hội

Tài liệu đại hội của Quỹ được đăng tải tại phần Quan hệ nhà đầu tư – Tin hoạt động quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) theo địa chỉ:

<https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-magef>



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thùy Linh
 Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến
 Nhân viên bộ phận Giám sát

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Quý Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11 - 12
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17 - 18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	19 - 20
Thuyết minh báo cáo tài chính	21 - 53

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam ("Quỹ") được thành lập ngày 23 tháng 07 năm 2019 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở đã được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 39/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 23 tháng 07 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 452.087.426.000 đồng, tương đương với 45.208.742,60 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 306.102.591.000 đồng, tương đương với 30.610.259,10 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với UBCK.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty") là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd ("Công ty mẹ"), một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018 các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện tại, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh đến lần thứ 2 vào ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Ông Huh Hong Suk – Chức danh: Chủ tịch và Ông Soh Jin Wook – Chức danh: Tổng Giám đốc.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Bùi Nam Giang	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2019
Bà Lê Thị Hương	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2019
Bà Trần Thái Phương Diệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Công ty được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ: Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ: Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã kiểm toán, tính đến ngày 31/12/2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -58,97% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm 2021. Thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ là -24,91% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ đầu kì báo cáo.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ: Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này.

Với phương pháp này Quỹ sẽ lựa chọn danh mục đầu tư bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ mở

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không giới hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Cao

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 39/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 23 tháng 07 năm 2019.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022): Giá trị tài sản ròng của Quỹ là 367.281.787.813 đồng, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 306.102.591.000 đồng, tương đương với 30.610.259,10 chứng chỉ Quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Không áp dụng

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư nếu:

- ▶ Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- ▶ Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng đơn vị Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ: Trong năm tài chính 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản Quỹ:

Cơ cấu tài sản Quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
1. Danh mục chứng khoán	93,95	95,12
2. Tài sản khác	6,05	4,88
Cộng	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
2.1 Giá trị tài sản ròng của Quỹ	367.281.787.813	895.066.731.973
2.2 Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	30.610.259,10	56.012.243,49
2.3 Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	11.998,65	15.979,84
2.4 Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	16.451,04	16.199,19
2.5 Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.818,12	11.010,46
2.6 Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7 Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8 Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9 Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-24,91%	41,53%
2.9.1 Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9.2 Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng
2.10 Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	0	0
2.11 Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	0	0
2.12 Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,30%	2,24%
2.14 Tốc độ vòng quay danh mục (%)	93,90%	89,28%

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	-24,91%	-24,91%
- 3 năm	24,59%	7,60%
- Từ khi thành lập (23/07/2019)	19,99%	5,46%
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị chứng chỉ quỹ	-24,91	41,53

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Mô tả tình hình kinh tế vĩ mô và tình hình biến động của thị trường có liên quan đến hoạt động của Quỹ

VN-index khép lại năm 2022 kém khả quan, với mức giảm 3,94% trong tháng 12. Thị trường chứng khoán Việt Nam đóng cửa ở mức 1007,09 điểm, giảm 32,78% trong năm. Trong suốt năm 2022, nhiều sự kiện trong nước và quốc tế đã tác động tiêu cực tới tâm lý thị trường, từ các vấn đề toàn cầu như căng thẳng địa chính trị giữa Nga và Ukraine, khủng hoảng năng lượng, áp lực lạm phát và chính sách thắt chặt tiền tệ cho đến các cuộc điều tra mạnh mẽ về thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản tại Việt Nam. Các yếu tố bất lợi này đã dẫn đến tâm lý tiêu cực của các nhà đầu tư và đã sụt giảm của thị trường chứng khoán.

Trong tháng 12, thanh khoản thị trường gia tăng đáng kể 24,9% với giá trị giao dịch trung bình tổng hợp trên 3 sàn đạt 13.982 tỷ đồng. Tuy nhiên, tổng giá trị giao dịch trung bình của năm 2022 ở mức 19.335 tỷ đồng, thấp hơn 26,9% so với năm 2021. Nhà đầu tư nước ngoài là một trong những động lực quan trọng giúp thanh khoản tháng 12 hồi phục khi mua ròng 12.436 tỷ đồng, nâng tổng giá trị mua ròng cả năm lên 26.070 tỷ đồng.

Biến động của thị trường có liên quan đến hoạt động của Quỹ

Hiệu suất đầu tư tháng 12 chứng kiến sự phân hoá giữa các nhóm ngành; trong đó, năng lượng là ngành có hiệu suất tốt nhất (+5,9%) nhờ kỳ vọng nới lỏng các biện pháp phòng chống Covid tại Trung Quốc. Trong khi đó, bất động sản tiếp tục diễn biến tiêu cực (-13,9%) do lo ngại về giá trị đáo hạn ở mức cao của trái phiếu doanh nghiệp trong giai đoạn này. Nhóm ngành hàng tiêu dùng thiết yếu giảm điểm (-5,3%) do các nhà đầu chuyển từ các cổ phiếu phòng thủ sang các cổ phiếu mang tính chu kỳ hơn khi thị trường có tin tức hỗ trợ.

Trong tháng này, chúng tôi đã tích lũy cổ phiếu các công ty vững chắc trong lĩnh vực Năng lượng và Tài chính có tình hình tài chính lành mạnh, triển vọng tích cực và định giá hấp dẫn. Đồng thời, bất kỳ sự suy yếu kéo dài nào trên thị trường chứng khoán cũng tạo cơ hội cho chúng tôi tích lũy các công ty cơ bản tốt trong một số ngành như Bất động sản, Vật liệu cơ bản. Do vậy hiệu suất đầu tư của quỹ MAGEF tháng này vượt trội hơn chỉ số tham chiếu là 2,47%.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

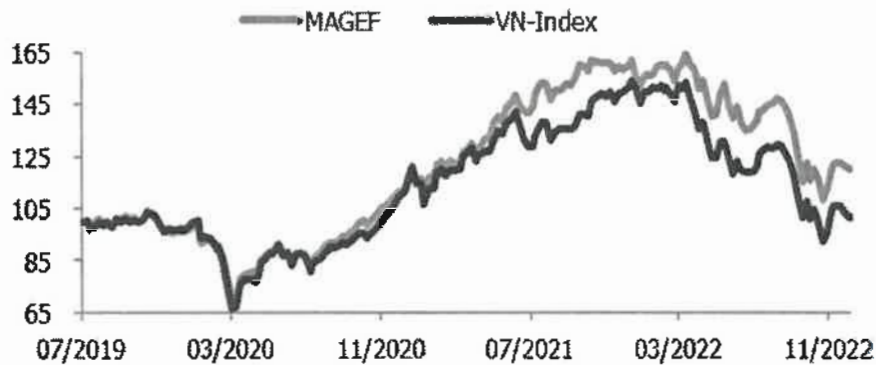
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-24,91%	24,59%	19,99%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	-24,91%	7,60%	5,46%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

- ▶ Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;
- ▶ Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.
- ▶ Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập (ngày 23 tháng 07 năm 2019).



- ▶ Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	$3 = \frac{(1) - (2)}{(2)}$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	367.281.787.813	895.066.731.973	-58,97%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	11.998,65	15.979,84	-24,91%

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5000	484	276.968,16	0,91%
Từ 5000 đến 10.000	18	119.319,74	0,39%
Từ 10.000 đến 50.000	13	236.871,24	0,77%
Từ 50.000 đến 500.000	5	939.185,72	3,07%
Trên 500.000	7	29.037.914,24	94,86%
Tổng cộng	527	30.610.259,10	100,00%

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá:

Không có chi phí ngầm và giảm giá trong suốt quá trình hoạt động và vận hành Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong Q4.2022, GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,9%, kết thúc cả năm với mức tăng trưởng 8,0% dù cho môi trường lãi suất tăng và nhu cầu toàn cầu bị suy yếu. PMI tháng 12 ghi nhận mức 46,4, giảm so với mức 47,4 của tháng trước, đánh dấu tháng thứ hai bị thu hẹp liên tiếp trong lĩnh vực sản xuất. Chỉ số IIP trung bình cũng chỉ tăng 0,19% so với cùng kỳ. Những chỉ tiêu này cho thấy điều kiện kinh doanh tiếp tục kém khả quan trong bối cảnh nhu cầu suy yếu từ các thị trường xuất khẩu chính. Trong khi đó, năm 2022, tổng giải ngân vốn FDI đạt 22,4 tỷ USD (+13,5% so với cùng kỳ), cao nhất trong vòng 5 năm qua. Doanh số bán lẻ vẫn ổn định với mức tăng 17,13% so với cùng kỳ trong tháng 12. CPI tháng 12 tăng 4,5% so với cùng kỳ và lạm phát năm 2022 ở mức 3,15% – thấp hơn mục tiêu của chính phủ là 4%.

Sang năm 2023, chúng tôi cho rằng Việt Nam có thể sẽ tiếp tục chịu tác động từ nhu cầu xuất khẩu yếu và lo ngại về vấn đề lạm phát; đặc biệt là trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, các động lực tăng trưởng dài hạn vẫn vững chắc với nguồn vốn đầu tư công mạnh mẽ, dòng tiền FDI ổn định và việc Trung Quốc mở cửa trở lại vào năm 2023 sẽ thúc đẩy ngành du lịch và giảm bớt sự suy giảm thương mại dự kiến với phương Tây. Trong khi đó, cơ hội đầu tư dài hạn rất hấp dẫn với định giá thị trường hiện tại ở mức P/E 10,5 lần và P/E 2023 là 9,64 lần. Trọng tâm của chúng tôi sẽ là các công ty có mức tăng trưởng tích cực trong năm 2023, được hưởng lợi từ đầu tư công và việc Trung Quốc mở cửa trở lại, bao gồm các lĩnh vực tiêu dùng, vật liệu cơ bản và năng lượng.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH QUỸ

► Ông Soh Jin Wook – Giám đốc

Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) với vai trò Giám đốc, ông Soh có 12 năm là trưởng văn phòng đại diện Mirae Asset Global Investment Co., Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, ông đã quản lý các quỹ Hàn Quốc đầu tư vào thị trường Việt Nam với tổng tài sản hàng nghìn tỷ đồng.

Ông Soh có bằng Cử nhân Kinh tế, bằng thạc sỹ Kế toán tại trường Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, chứng chỉ quản lý đầu tư Hàn Quốc, và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK cấp.

► Bà Phạm Minh Phương

Bà Phương có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, quản lý tài sản, bao gồm 10 năm kinh nghiệm làm phân tích doanh nghiệp tại Văn phòng đại diện Công ty Quản lý Quỹ Mirae Asset Global Investment Co., Ltd và 02 năm phụ trách môi giới và tư vấn đặt lệnh tại Công ty chứng khoán MeKong.

Bà Phương có bằng Cử nhân khoa Thương mại Quốc tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK cấp và Chứng chỉ Kế toán do trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

► Ông Bùi Nam Giang – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Trưởng phòng phân tích, Công ty cổ phần chứng khoán Quốc gia

Ông Bùi Nam Giang có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán và hiện là Trưởng phòng phân tích, Công ty cổ phần chứng khoán Quốc Gia. Trước đó, ông Giang giữ chức vụ Phó Giám đốc đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam và có 04 năm công tác tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM). Tại đây, ông là chuyên viên đầu tư và là người điều hành quỹ cho Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA). Trước khi gia nhập SSIAM, ông giữ vị trí Trưởng nhóm cổ phần hóa, Phòng tư vấn Tài chính tại CTCP Chứng Khoán Dầu Khí, và Chuyên viên phòng Tư vấn Tài chính tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt.

Ông Giang có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp, và bằng Cử nhân Tài chính – Kế toán ở Trường Đại học Thăng Long.

► Bà Lê Thị Hương – Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Kế toán trưởng, Công ty TNHH Công trình xây dựng điện lực An huy 2 Việt Nam Tập đoàn xây dựng năng lượng Trung Quốc.

Bà Hương có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tư vấn thuế. Hiện tại, bà Hương là Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Công trình xây dựng điện lực An huy 2 Việt Nam Tập đoàn xây dựng năng lượng Trung Quốc. Với kiến thức sâu và rộng, bà Hương có 03 năm là kế toán tổng hợp tại Công ty Win Energy JSC phụ trách lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế, 03 năm công tác tại công ty kiểm toán Deloitte phụ trách kiểm toán ngân hàng và 02 năm phụ trách tư vấn thuế và kế toán tại K.O.M.B.I.T.E.Q, công ty tư vấn thuế và kế toán cho khách hàng Australia.

Bà Hương có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán do trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp và Chứng chỉ Kế toán trưởng do Bộ Tài Chính cấp.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

► Bà Trần Thái Phương Diệp – Thành viên

Phụ trách Pháp Chế, Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam), bà Diệp đã có nhiều năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và chứng khoán tại các công ty luật quốc tế như Mayer Brown JSM, Investconsult, Vision & Associates Legal và phụ trách pháp chế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T. Các thương vụ bà Diệp tham gia tư vấn liên quan đến chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng vốn, phát hành trái phiếu, hợp đồng vay vốn, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, đầu tư nước ngoài.

Bà Diệp có bằng Cử nhân khoa Luật Quốc Tế của trường Đại học Luật Hà Nội.

BAN ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

► Ông Soh Jin Wook – Tổng Giám đốc

Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) với vai trò Tổng Giám đốc, ông Soh có 12 năm là trưởng văn phòng đại diện Mirae Asset Global Investment Co., Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, ông đã quản lý các quỹ Hàn Quốc đầu tư vào thị trường Việt Nam với tổng tài sản hàng nghìn tỷ đồng.

Ông Soh có bằng Cử nhân Kinh tế, bằng Thạc sỹ Kế toán tại trường Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, chứng chỉ quản lý đầu tư Hàn Quốc, và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)
HUN HONG SUK



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thùy Linh
Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến
Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61538852/22986783/MAGEF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam ("Quỹ"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 13 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ

Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) là Công ty Quản lý quỹ của Quỹ ("Chủ tịch") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(156.709.772.104)	265.531.426.979
02	1.1 Cổ tức được chia		8.256.842.946	8.195.630.758
03	1.2 Tiền lãi được nhận		86.773.973	3.168.589.021
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	5	2.348.992.020	177.888.113.446
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(167.402.381.043)	76.279.093.754
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		1.720.273.503	1.988.910.238
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	1.720.273.503	1.988.910.238
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		12.501.707.596	14.869.157.496
20.1	3.1 Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	20.1	10.823.543.378	13.147.021.497
20.2	3.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	20.2	459.488.320	493.179.446
20.3	3.3 Giá dịch vụ giám sát	20.2	211.303.808	247.915.263
20.4	3.4 Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.2	604.890.000	604.890.000
20.5	3.5 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		26.831.389	6.121.559
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		97.800.000	99.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	8	145.850.701	139.029.731
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(170.931.753.203)	248.673.359.245
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	17	(170.931.753.203)	248.673.359.245
31	6.1. (Lỗ)/Lãi đã thực hiện		(3.529.372.160)	172.394.265.491
32	6.2. (Lỗ)/Lãi chưa thực hiện		(167.402.381.043)	76.279.093.754
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. TỔNG LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ		(170.931.753.203)	248.673.359.245

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



ÔNG HUH HONG SUK
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	21.845.591.427	21.021.424.884
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng		21.845.591.427	21.021.424.884
111.1	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ		7.030.000	20.530.000
111.2	Tiền phải trả nhà đầu tư cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ		1.030.479	1.941.753
111.3	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		21.837.530.948	20.998.953.131
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	345.828.367.350	867.160.831.800
121	2.1 Các khoản đầu tư		345.828.367.350	867.160.831.800
130	3. Các khoản phải thu	12	405.075.000	23.463.722.600
131	3.1 Phải thu bán các khoản đầu tư		-	22.981.620.000
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		405.075.000	482.102.600
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		405.075.000	482.102.600
100	TỔNG TÀI SẢN		368.079.033.777	911.645.979.284
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả mua các khoản đầu tư	13	-	14.667.910.000
313	2. Phải trả phí cho các Đại lý phân phối, công ty Quản lý Quỹ và mua bán chứng chỉ quỹ		2.132.165	30.268.212
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		42.041	6.877.314
316	4. Chi phí phải trả	14	99.000.000	122.474.296
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		7.050.000	20.550.000
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		43.262.572	260.768.600
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	15	645.759.186	1.460.398.889
320	8. Phải trả, phải nộp khác		-	10.000.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		797.245.964	16.579.247.311
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỚI		367.281.787.813	895.066.731.973
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	16	306.102.591.000	560.122.434.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		686.139.364.200	617.698.752.600
413	1.2 Vốn góp mua lại		(380.036.773.200)	(57.576.317.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		(95.212.243.659)	7.621.103.398
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	156.391.440.472	327.323.193.675
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.998,65	15.979,84
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	30.610.259,10	56.012.243,49

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



ÔNG HUH HONG SUK
 Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	NỘI DUNG	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở đầu năm	895.066.731.973	581.501.489.878
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(170.931.753.203)	248.673.359.245
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	(170.931.753.203)	248.673.359.245
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(356.853.190.957)	64.891.882.850
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	108.680.025.867	152.112.188.206
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(465.533.216.824)	(87.220.305.356)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	367.281.787.813	895.066.731.973

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
1	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH					
1	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	830.000	21.900	18.177.000.000	4,94%
2	Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP	ACV	212.400	84.600	17.969.040.000	4,88%
3	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	254.000	46.600	11.836.400.000	3,22%
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG	548.047	27.250	14.934.280.750	4,06%
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	CTR	163.200	50.400	8.225.280.000	2,24%
6	Công ty Cổ phần FPT	FPT	489.850	76.900	37.669.465.000	10,23%
7	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	GAS	185.000	101.500	18.777.500.000	5,10%
8	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	130.000	45.400	5.902.000.000	1,60%
9	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	508.300	13.800	7.014.540.000	1,91%
10	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	HPG	548.500	18.000	9.873.000.000	2,68%
11	CTCP Dược phẩm IMEXPHARM	IMP	175.000	60.200	10.535.000.000	2,86%
12	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	999.046	17.100	17.083.686.600	4,64%
13	CTCP Tập đoàn Masan	MSN	157.160	93.000	14.615.880.000	3,97%
14	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	MWG	353.800	42.900	15.178.020.000	4,12%
15	CTCP Tập đoàn PC1	PC1	22.500	20.200	454.500.000	0,12%
16	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	PLX	170.000	31.700	5.389.000.000	1,46%
17	Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	PTI	144.000	49.900	7.185.600.000	1,95%
18	CTCP PVI	PVI	142.500	48.000	6.840.000.000	1,86%
19	CTCP Cơ điện lạnh	REE	310.000	71.500	22.165.000.000	6,02%
20	CTCP Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	78.310	166.900	13.069.939.000	3,55%
21	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	388.769	80.000	31.101.520.000	8,45%
22	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	VEA	100.000	40.800	4.080.000.000	1,11%
23	CTCP Vinh Hoàn	VHC	120.000	69.800	8.376.000.000	2,28%
24	CTCP Vinhomes	VHM	130.000	48.000	6.240.000.000	1,70%
25	CTCP Sữa Việt Nam	VNM	149.500	76.100	11.376.950.000	3,09%
26	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	332.540	17.900	5.952.466.000	1,62%
27	CTCP Vincom Retail	VRE	601.000	26.300	15.806.300.000	4,29%
	Tổng		8.243.422		345.828.367.350	93,95%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu bán các khoản đầu tư	-	-		
2	Cổ tức được nhận	-	-	405.075.000	0,11%
	Tổng	-	-	405.075.000	0,11%
III	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở			21.845.591.427	5,94%
	Tổng			21.845.591.427	5,94%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			368.079.033.777	100,00%

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
 Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(170.931.753.203)	248.673.359.245
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng NAV từ các hoạt động đầu tư:		167.425.381.043	(76.312.093.754)
03	- Lỗ/(Lãi) chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		167.402.381.043	(76.279.093.754)
04	- Chi phí trích trước		23.000.000	(33.000.000)
05	2. (Lỗ)/Lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(3.506.372.160)	172.361.265.491
20	- Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		353.930.083.407	(211.132.017.446)
06	- Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư		22.981.620.000	(22.981.620.000)
07	- Giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		77.027.600	875.678.223
10	- (Giảm)/tăng phải trả người bán		(14.667.910.000)	14.667.910.000
11	- (Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, công ty Quản lý Quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ		(28.136.047)	27.769.344
13	- (Giảm)/tăng phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(6.835.273)	6.738.279
14	- (Giảm)/tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(13.500.000)	17.550.000
15	- (Giảm)/tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(217.506.028)	149.274.683
16	- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(56.474.296)	56.474.296
17	- (Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(814.639.703)	507.659.409
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		357.677.357.500	(45.443.317.721)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	16	108.680.025.867	152.112.188.206
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	16	(465.533.216.824)	(87.220.305.356)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(356.853.190.957)	64.891.882.850
40	III. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		824.166.543	19.448.565.129
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		21.021.424.884	1.572.859.755
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		21.021.424.884	1.572.859.755
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		20.998.953.131	1.458.365.838
53	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		22.471.753	114.493.917

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	11	21.845.591.427	21.021.424.884
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		21.845.591.427	21.021.424.884
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		21.837.530.948	20.998.953.131
57.1	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		21.837.530.948	20.998.953.131
58	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		8.060.479	22.471.753
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		824.166.543	19.448.565.129

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Hui Hong Suk
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ngày 23 tháng 07 năm 2019 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 39/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 23 tháng 07 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd (“Công ty mẹ”), một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018 các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện tại, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh đến lần thứ 2 vào ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Ông Huh Hong Suk – Chức danh: Chủ tịch và Ông Soh Jin Wook – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 452.087.426.000 đồng, tương đương với 45.208.742,60 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 306.102.591.000 đồng, tương đương với 30.610.259,10 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với UBCK.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Trong năm 2022, tần suất giao dịch của Quỹ là một (01) lần một (01) tuần, vào ngày Thứ Tư hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường (hoặc giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị thị trường) của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ định kỳ vào Thứ Tư hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày gần nhất sau đó, trừ khi Công ty Quản lý Quỹ có thông báo khác. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ và công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với chiến lược và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ và đã được công khai tại Bản cáo bạch. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được nắm giữ quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- (ii) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng quy định tại phần "*Nguyên tắc định giá*" trong *Thuyết minh số 4.3*.
- (iii) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức phát hành, trừ công nợ của Chính phủ;
- (iv) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (v) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- (ix) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- (x) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (xi) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.

Trừ 4 trường hợp (vii), (viii), (x), (xi) kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ bao gồm: Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
- Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư số 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Các kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quý cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Quý sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quý phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Quý ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục “Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- Trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây. Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư trong các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân mua và bán tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, giấy tờ có giá và công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	<p>a. Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá và biên độ chênh lệch giữa giá yết bình quân (giá sạch) và giá của kỳ định giá gần nhất (giá sạch) trong khoảng sau:</p> <p>Đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương: $\pm 1\%$</p> <p>Đối với trái phiếu doanh nghiệp: $\pm 3\%$</p> <p>Giá được xác định là: giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu có);</p> <p>b. Trường hợp không có giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng chênh lệch giữa giá yết bình quân (giá sạch) và giá của kỳ định giá gần nhất (giá sạch) vượt quá biên độ được đề cập ở mục (a) phần này, giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế • Mệnh giá cộng lãi lũy kế • Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. <p>c. Trường hợp trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên tính tới ngày định giá, áp dụng theo trường hợp trái phiếu không niêm yết.</p>
7	Trái phiếu hủy niêm yết do gần đến ngày đáo hạn	Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
8	Trái phiếu chưa niêm yết	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua cộng lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; • Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

24
 H
 V
 NA
 I
 Q
 T
 M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết	<p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua; • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM	<p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua; • Giá trị sổ sách; • Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá trị sổ sách (theo báo cáo tài chính gần nhất không quá sáu (06) tháng tính đến ngày định giá); • Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu chuyển sản niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch để thực hiện chuyển sản.</p>
13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; • Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
14	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện từ trên xuống là một trong các mức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; • Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; • Giá mua/ giá trị vốn góp; • Giá trị sổ sách; • Giá được xác định theo phương pháp đã được ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết	<p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>
Quyền mua		
16	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0, (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{Tỷ lệ thực hiện quyền}\}$</p>
Các tài sản khác		
17	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(Lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại đầu ngày giao dịch.

Lãi/(Lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá bao gồm các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quý có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quý có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quý do các nhà đầu tư góp vốn vào Quý theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau ngày chuyển đổi hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quý. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quý. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lãi/(Lỗ) chưa phân phối

Lãi/(Lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lãi/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lãi/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lãi/(Lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quý phát sinh trong năm.

Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quý phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quý xác định lãi/(lỗ) đã thực hiện và lãi/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lãi/(Lỗ) chưa phân phối".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm tài chính.

Quý ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quý và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích và ghi nhận theo phát sinh thực tế. Quý phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: $1,75\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ và mức phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ giám sát Quỹ vào mỗi kỳ định giá là 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 11.750.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ lưu ký vào mỗi kỳ định giá là 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 11.750.000 đồng/tháng không có thuế GTGT.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 230.000 VND/giao dịch không gồm thuế GTGT.

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho VSD, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá là 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và tối thiểu 39.950.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế GTGT. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính là 5.875.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), loại giá dịch vụ này được miễn trong năm đầu tiên kể từ khi Quỹ đi vào hoạt động.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin; chi phí cho các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư; thuế phí và các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 96, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quý Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán các khoản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM	748.710.084.400	746.361.118.407	2.348.965.993	177.908.086.049
Trái phiếu niêm yết	10.000.067.123	10.000.041.096	26.027	(19.972.603)
	758.710.151.523	756.361.159.503	2.348.992.020	177.888.113.446

6. CHÉNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM	349.729.381.614	345.828.367.350	(3.901.014.264)	163.501.366.779	(167.402.381.043)
	349.729.381.614	345.828.367.350	(3.901.014.264)	163.501.366.779	(167.402.381.043)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND
Phí môi giới mua	590.180.555	1.059.874.157
Phí môi giới bán	1.125.127.824	926.437.918
Phí thanh toán bù trừ tại VSD	4.965.124	2.598.163
	1.720.273.503	1.988.910.238

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND
Phí quản lý thường niên trả cho UBCKNN	9.166.666	-
Phí ngân hàng	14.484.035	17.929.731
Thù lao Ban Đại diện quỹ (Thuyết minh 20.1)	120.000.000	120.000.000
Phí thực hiện quyền trả cho VSD	2.200.000	1.100.000
	145.850.701	139.029.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá mua VND		Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND		Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
					Tăng VND	Giảm VND	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022							
Đầu tư chứng khoán (i)	349.729.381.614	345.828.367.350	36.742.455.457	(40.643.469.721)			345.828.367.350
Tổng cộng	349.729.381.614	345.828.367.350	36.742.455.457	(40.643.469.721)			345.828.367.350
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Đầu tư chứng khoán	703.659.465.021	867.160.831.800	175.764.564.350	(12.263.197.571)			867.160.831.800
Tổng cộng	703.659.465.021	867.160.831.800	175.764.564.350	(12.263.197.571)			867.160.831.800

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán:

STT	Cổ phiếu	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
	Cổ phiếu niêm yết và có phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM					
1	ACB	10.659.891.811	18.177.000.000	7.517.108.189	-	18.177.000.000
2	ACV	14.310.534.960	17.969.040.000	3.658.505.040	-	17.969.040.000
3	BVH	13.497.365.000	11.836.400.000	-	(1.660.965.000)	11.836.400.000
4	CTG	17.936.586.886	14.934.280.750	-	(3.002.306.136)	14.934.280.750
5	CTR	10.119.906.606	8.225.280.000	-	(1.894.626.606)	8.225.280.000
6	FPT	23.550.741.042	37.669.465.000	14.118.723.958	-	37.669.465.000
7	GAS	17.707.578.430	18.777.500.000	1.069.921.570	-	18.777.500.000
8	GMD	4.939.198.643	5.902.000.000	962.801.357	-	5.902.000.000
9	GVR	15.882.124.033	7.014.540.000	-	(8.867.584.033)	7.014.540.000

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán: (tiếp theo)

STT	Cổ phiếu	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VND
		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Tăng VND	Giảm VND	
10	HPG	14.247.484.912	9.873.000.000	-	(4.374.484.912)	9.873.000.000
11	IMP	9.244.612.881	10.535.000.000	1.290.387.119	-	10.535.000.000
12	MBB	16.373.870.053	17.083.686.600	709.816.547	-	17.083.686.600
13	MSN	15.626.578.816	14.615.880.000	-	(1.010.698.816)	14.615.880.000
14	MWG	23.337.174.189	15.178.020.000	-	(8.159.154.189)	15.178.020.000
15	PC1	762.503.478	454.500.000	-	(308.003.478)	454.500.000
16	PLX	9.423.283.493	5.389.000.000	-	(4.034.283.493)	5.389.000.000
17	PTI	8.004.946.667	7.185.600.000	-	(819.346.667)	7.185.600.000
18	PVI	7.865.561.100	6.840.000.000	-	(1.025.561.100)	6.840.000.000
19	REE	19.472.234.630	22.165.000.000	2.692.765.370	-	22.165.000.000
20	SAB	11.857.562.306	13.069.939.000	1.212.376.694	-	13.069.939.000
21	VCB	28.132.426.211	31.101.520.000	2.969.093.789	-	31.101.520.000
22	VEA	4.397.800.000	4.080.000.000	-	(317.800.000)	4.080.000.000
23	VHC	9.784.309.120	8.376.000.000	-	(1.408.309.120)	8.376.000.000
24	VHM	6.996.120.000	6.240.000.000	-	(756.120.000)	6.240.000.000
25	VNM	11.968.530.000	11.376.950.000	-	(591.580.000)	11.376.950.000
26	VPB	5.411.510.176	5.952.466.000	540.955.824	-	5.952.466.000
27	VRE	18.218.946.171	15.806.300.000	-	(2.412.646.171)	15.806.300.000
Tổng cộng		349.729.381.614	345.828.367.350	36.742.455.457	(40.643.469.721)	345.828.367.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong năm như sau:

STT	Các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ tại từng công ty chứng khoán		Giá trị giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm %	Giá trị giao dịch bình quân %
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm %				
I	Giao dịch có phiếu							
1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Không liên quan	115.279.790.000	9,92	1.161.680.919.400	9,92	0,15	
2	Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI (SSI)	Không liên quan	164.954.705.000	14,20	1.161.680.919.400	14,20	0,15	
3	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS)	Không liên quan	233.875.250.000	20,13	1.161.680.919.400	20,13	0,15	
4	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BSC)	Không liên quan	93.052.100.000	8,01	1.161.680.919.400	8,01	0,14	
5	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt (BVSC)	Không liên quan	96.171.800.000	8,28	1.161.680.919.400	8,28	0,15	
6	Công ty Cổ phần Chứng Khoán KIS Việt Nam (KIS)	Không liên quan	192.121.116.300	16,54	1.161.680.919.400	16,54	0,15	
7	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (VCSC)	Không liên quan	176.939.638.100	15,23	1.161.680.919.400	15,23	0,15	
8	Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS)	Không liên quan	84.044.955.000	7,23	1.161.680.919.400	7,23	0,13	
	Tổng cộng		1.156.439.354.400			99,54		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (Thuyết minh 20.2)	21.837.530.948	20.998.953.131
- Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ	7.030.000	20.530.000
- Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ	1.030.479	1.941.753
	21.845.591.427	21.021.424.884

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải thu bán các khoản đầu tư		
Phải thu bán cổ phiếu	-	22.981.620.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		
Phải thu và dự thu cổ tức	405.075.000	482.102.600
	405.075.000	23.463.722.600

13. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư (cổ phiếu niêm yết) được thanh toán sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả phí kiểm toán	99.000.000	66.000.000
Phải trả phí môi giới	-	56.474.296
	99.000.000	122.474.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý (Thuyết minh 20.1)	552.646.778	1.324.005.691
Phải trả giá dịch vụ lưu ký	15.789.908	37.828.734
Phải trả giá dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	2.990.000	12.190.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	12.925.000	24.966.964
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả giá dịch vụ quản trị Quỹ mờ (Thuyết minh 20.2)	50.407.500	50.407.500
	645.759.186	1.460.398.889

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Biến động vốn góp trong năm 2022 như sau:

	Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Phát sinh trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	61.769.875,26	6.844.061,16	68.613.936,42
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	617.698.752.600	68.440.611.600	686.139.364.200
Thặng dư vốn	VND	37.938.779.078	40.239.414.267	78.178.193.345
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	655.637.531.678	108.680.025.867	764.317.557.545
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	(5.757.631,77)	(32.246.045,55)	(38.003.677,32)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(57.576.317.700)	(322.460.455.500)	(380.036.773.200)
Thặng dư vốn	VND	(30.317.675.680)	(143.072.761.324)	(173.390.437.004)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(87.893.993.380)	(465.533.216.824)	(553.427.210.204)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành				
	CCQ	56.012.243,49	(25.401.984,39)	30.610.259,10
Giá trị vốn góp hiện hành				
	VND	567.743.538.298	(356.853.190.957)	210.890.347.341
Lãi lũy kế				
	VND	327.323.193.675	(170.931.753.203)	156.391.440.472
Giá trị tài sản ròng hiện hành				
	VND	895.066.731.973	(527.784.944.160)	367.281.787.813
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ				
	VND/ CCQ	15.979,84		11.998,65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Biến động vốn góp trong năm 2021 như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	51.573.746,08	10.196.129,18	61.769.875,26
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	515.737.460.800	101.961.291.800	617.698.752.600
Thặng dư vốn	VND	(12.212.117.328)	50.150.896.406	37.938.779.078
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	503.525.343.472	152.112.188.206	655.637.531.678
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	(70.080,44)	(5.687.551,33)	(5.757.631,77)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(700.804.400)	(56.875.513.300)	(57.576.317.700)
Thặng dư vốn	VND	27.116.376	(30.344.792.056)	(30.317.675.680)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(673.688.024)	(87.220.305.356)	(87.893.993.380)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành				
	CCQ	51.503.665,64	4.508.577,85	56.012.243,49
Giá trị vốn góp hiện hành				
	VND	502.851.655.448	64.891.882.850	567.743.538.298
(Lỗ)/Lãi lũy kế				
	VND	78.649.834.430	248.673.359.245	327.323.193.675
Giá trị tài sản ròng hiện hành				
	VND	581.501.489.878	313.565.242.095	895.066.731.973
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ				
	VND/ CCQ	11.290,48		15.979,84

17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	327.323.193.675	78.649.834.430
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần trong năm	(170.931.753.203)	248.673.359.245
- (Lỗ)/Lợi nhuận đã thực hiện	(3.529.372.160)	172.394.265.491
- (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(167.402.381.043)	76.279.093.754
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	156.391.440.472	327.323.193.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Biến động giá trị tài sản ròng trong năm 2022 như sau:

<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>					
<u>STT</u>	<u>Ngày NAV</u>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND</i>	<i>Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND</i>
	31/12/2021	895.066.731.973	56.012.243,49	15.979,84	
1	04/01/2022	907.745.524.993	56.012.243,49	16.206,19	226,35
2	11/01/2022	919.277.523.823	59.115.152,05	15.550,62	(655,57)
3	18/01/2022	899.861.944.922	59.149.414,50	15.213,37	(337,25)
4	25/01/2022	922.766.226.210	59.173.784,46	15.594,17	380,80
5	31/01/2022	925.480.023.594	59.189.352,69	15.635,92	41,75
6	01/02/2022	925.430.725.310	59.189.352,69	15.635,08	(0,84)
7	08/02/2022	942.936.133.783	59.189.352,69	15.930,84	295,76
8	15/02/2022	943.283.089.055	59.222.721,08	15.927,72	(3,12)
9	22/02/2022	950.932.669.424	59.245.481,24	16.050,72	123,00
10	28/02/2022	947.322.803.134	59.263.064,01	15.985,04	(65,68)
11	01/03/2022	949.598.962.986	59.263.064,01	16.023,45	38,41
12	08/03/2022	940.843.480.965	59.371.916,45	15.846,60	(176,85)
13	15/03/2022	723.001.698.811	46.965.672,15	15.394,25	(452,35)
14	22/03/2022	747.575.965.244	47.043.843,68	15.891,04	496,79
15	29/03/2022	757.461.739.807	47.043.891,77	16.101,17	210,13
16	31/03/2022	760.213.752.991	47.054.052,22	16.156,18	55,01
17	05/04/2022	774.088.472.174	47.054.052,22	16.451,04	294,86
18	12/04/2022	754.278.363.109	47.029.060,58	16.038,55	(412,49)
19	19/04/2022	682.860.206.216	43.039.025,98	15.866,07	(172,48)
20	26/04/2022	689.357.362.020	45.603.213,78	15.116,42	(749,65)
21	30/04/2022	702.840.607.512	45.665.474,22	15.391,07	274,65
22	03/05/2022	702.726.995.700	45.665.474,22	15.388,58	(2,49)
23	10/05/2022	669.586.787.244	45.674.500,35	14.659,96	(728,62)
24	17/05/2022	642.525.991.064	45.689.552,90	14.062,86	(597,10)
25	24/05/2022	643.606.315.724	45.676.730,14	14.090,46	27,60
26	31/05/2022	681.451.097.462	45.672.631,66	14.920,33	829,87
27	07/06/2022	700.927.001.112	45.807.964,57	15.301,42	381,09
28	14/06/2022	663.722.646.532	45.808.821,72	14.488,97	(812,45)
29	21/06/2022	558.526.124.929	40.020.960,05	13.955,84	(533,13)
30	28/06/2022	571.790.607.170	39.713.723,91	14.397,80	441,96
31	30/06/2022	560.812.926.742	39.654.321,05	14.142,54	(255,26)
32	05/07/2022	545.678.336.475	39.654.321,05	13.760,87	(381,67)
33	12/07/2022	535.932.709.051	39.657.659,17	13.513,97	(246,90)
34	19/07/2022	538.140.809.880	39.665.516,11	13.566,96	52,99
35	26/07/2022	543.854.053.133	39.583.828,40	13.739,29	172,33
36	31/07/2022	537.781.430.870	38.682.827,34	13.902,32	163,03
37	02/08/2022	549.792.070.876	38.682.827,34	14.212,82	310,50
38	09/08/2022	552.061.768.769	38.690.506,41	14.268,66	55,84
39	16/08/2022	561.801.499.550	38.722.178,65	14.508,51	239,85
40	23/08/2022	564.327.906.146	38.867.669,15	14.519,21	10,70
41	30/08/2022	570.638.463.969	38.863.327,58	14.683,21	164,00
42	31/08/2022	570.815.993.440	38.838.188,55	14.697,28	14,07
43	06/09/2022	568.662.219.699	38.838.188,55	14.641,83	(55,45)
44	13/09/2022	559.474.927.047	38.847.341,08	14.401,88	(239,95)
45	20/09/2022	544.512.132.136	38.852.068,44	14.015,01	(386,87)
46	27/09/2022	521.495.081.332	38.849.586,39	13.423,43	(591,58)
47	30/09/2022	505.010.060.589	38.720.361,05	13.042,49	(380,94)
48	04/10/2022	481.426.377.335	38.720.361,05	12.433,41	(609,08)
49	11/10/2022	446.596.543.586	38.688.090,53	11.543,51	(889,90)
50	18/10/2022	396.953.525.714	32.369.528,98	12.263,18	719,67



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
51	25/10/2022	374.310.615.575	32.361.158,50	11.566,66	(696,52)
52	31/10/2022	388.241.845.537	32.354.380,88	11.999,66	433,00
53	01/11/2022	388.843.992.365	32.354.380,88	12.018,27	18,61
54	08/11/2022	374.339.147.749	32.361.086,34	11.567,57	(450,70)
55	15/11/2022	331.126.670.000	30.608.516,18	10.818,12	(749,45)
56	22/11/2022	345.002.306.392	30.608.051,93	11.271,61	453,49
57	29/11/2022	367.510.559.179	30.602.964,68	12.008,98	737,37
58	30/11/2022	372.635.870.923	30.600.164,74	12.177,57	168,59
59	06/12/2022	375.096.678.891	30.600.164,74	12.257,99	80,42
60	13/12/2022	375.891.169.746	30.608.486,72	12.280,61	22,62
61	20/12/2022	371.772.166.627	30.613.354,13	12.144,11	(136,50)
62	27/12/2022	367.038.074.295	30.612.770,86	11.989,70	(154,41)
63	31/12/2022	367.281.787.813	30.610.259,10	11.998,65	8,95

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm: 618.277.769.205

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 889,90
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,84

Biến động giá trị tài sản ròng trong năm 2021 như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
	31/12/2020	581.501.489.878	51.503.665,64	11.290,48	
1	05/01/2021	598.255.925.075	51.503.665,64	11.615,79	325,31
2	12/01/2021	625.532.425.692	51.492.396,52	12.148,05	532,26
3	19/01/2021	589.861.015.392	51.457.006,38	11.463,18	(684,87)
4	26/01/2021	598.911.831.515	51.459.306,97	11.638,55	175,37
5	31/01/2021	566.827.899.707	51.480.848,90	11.010,46	(628,09)
6	02/02/2021	578.182.005.587	51.480.848,90	11.231,01	220,55
7	09/02/2021	601.142.546.287	51.485.974,42	11.675,85	444,84
8	16/02/2021	600.987.011.752	51.485.974,42	11.672,82	(3,03)
9	23/02/2021	628.546.019.980	51.486.571,10	12.207,96	535,14
10	28/02/2021	639.109.694.252	52.315.825,12	12.216,37	8,41
11	02/03/2021	644.731.310.935	52.315.825,12	12.323,82	107,45
12	09/03/2021	627.588.021.473	52.310.776,29	11.997,29	(326,53)
13	16/03/2021	642.244.579.125	52.248.869,79	12.292,02	294,73
14	23/03/2021	640.206.187.248	52.249.597,87	12.252,84	(39,18)
15	30/03/2021	638.731.977.492	52.249.597,87	12.224,62	(28,22)
16	31/03/2021	641.767.012.163	52.249.597,87	12.282,71	58,09
17	06/04/2021	663.376.265.209	52.249.597,87	12.696,29	413,58
18	13/04/2021	667.365.800.879	52.249.597,87	12.772,64	76,35
19	21/04/2021	679.974.569.548	52.250.143,17	13.013,83	241,19
20	27/04/2021	658.862.942.374	52.257.169,67	12.608,08	(405,75)
21	30/04/2021	686.696.128.902	53.873.407,32	12.746,47	138,39
22	04/05/2021	692.963.092.792	53.873.407,32	12.862,80	116,33
23	11/05/2021	709.588.912.147	53.883.669,88	13.168,90	306,10
24	18/05/2021	710.676.248.910	53.903.091,42	13.184,33	15,43
25	25/05/2021	745.837.199.581	53.926.665,81	13.830,58	646,25
26	31/05/2021	753.931.653.439	53.936.354,76	13.978,17	147,59

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
27	01/06/2021	759.231.167.398	53.936.354,76	14.076,42	98,25
28	08/06/2021	744.583.779.074	53.961.116,00	13.798,52	(277,90)
29	15/06/2021	776.842.492.462	53.980.798,18	14.391,08	592,56
30	22/06/2021	784.572.079.841	54.026.351,08	14.522,02	130,94
31	29/06/2021	802.338.135.535	54.076.224,50	14.837,16	315,14
32	30/06/2021	823.217.680.233	55.464.977,10	14.842,11	4,95
33	06/07/2021	800.746.529.027	55.464.977,10	14.436,97	(405,14)
34	13/07/2021	789.278.754.470	55.489.410,45	14.223,95	(213,02)
35	20/07/2021	787.920.333.015	55.553.234,69	14.183,15	(40,80)
36	27/07/2021	799.555.631.802	55.558.868,57	14.391,14	207,99
37	31/07/2021	822.881.600.924	55.556.480,72	14.811,62	420,48
38	03/08/2021	837.119.770.731	55.556.480,72	15.067,90	256,28
39	10/08/2021	851.823.438.596	55.563.263,84	15.330,69	262,79
40	17/08/2021	810.570.901.617	52.944.952,70	15.309,69	(21,00)
41	24/08/2021	777.622.988.266	52.954.597,13	14.684,71	(624,98)
42	31/08/2021	794.755.140.814	52.893.016,37	15.025,71	341,00
43	07/09/2021	796.047.331.755	52.895.060,61	15.049,55	23,84
44	14/09/2021	798.621.305.615	52.923.778,64	15.090,02	40,47
45	21/09/2021	800.530.726.606	52.445.147,24	15.264,15	174,13
46	28/09/2021	800.491.885.861	52.502.060,09	15.246,86	(17,29)
47	30/09/2021	805.893.429.435	52.622.814,99	15.314,52	67,66
48	05/10/2021	816.782.354.093	52.622.814,99	15.521,44	206,92
49	12/10/2021	820.925.021.381	51.162.214,91	16.045,53	524,09
50	19/10/2021	817.294.857.075	51.202.445,88	15.962,02	(83,51)
51	26/10/2021	808.528.914.408	51.264.128,47	15.771,82	(190,20)
52	31/10/2021	831.707.168.316	51.342.511,52	16.199,19	427,37
53	02/11/2021	825.651.030.385	51.342.511,52	16.081,23	(117,96)
54	09/11/2021	828.913.750.932	51.332.544,53	16.147,91	66,68
55	16/11/2021	826.578.966.854	51.342.037,03	16.099,45	(48,46)
56	23/11/2021	904.323.044.578	56.325.334,64	16.055,35	(44,10)
57	30/11/2021	904.674.868.887	56.356.982,36	16.052,57	(2,78)
58	07/12/2021	883.655.473.085	56.080.199,07	15.756,99	(295,58)
59	14/12/2021	893.249.055.194	56.079.179,15	15.928,35	171,36
60	21/12/2021	889.718.055.640	56.111.230,61	15.856,32	(72,03)
61	28/12/2021	893.422.687.526	55.998.444,90	15.954,41	98,09
62	31/12/2021	895.066.731.973	56.012.243,49	15.979,84	25,43

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm: 751.003.534.177

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 684,87
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 2,78

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	chứng chỉ quỹ	chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	30.610.259,10	56.012.243,49

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

20.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	10.823.543.378	13.147.021.497
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000

Phí quản lý được tính bằng 1,75% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</u>
Ông Bùi Nam Giang	Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Hương	Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thái Phương Diệp	Thành viên	24.000.000	24.000.000
		120.000.000	120.000.000

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	552.646.778	1.324.005.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong năm được trình bày dưới đây:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng lưu ký Giám sát	Giá dịch vụ giám sát	211.303.808	247.915.263
		Giá dịch vụ lưu ký tài sản	419.454.099	457.164.186
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	604.890.000	604.890.000
		Phí ngân hàng	14.484.035	16.625.752

Số dư trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày dưới đây:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng lưu ký Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	21.845.591.427	21.021.424.884
		Giá dịch vụ lưu ký phải trả	18.779.908	50.018.734
		Giá dịch vụ giám sát phải trả	12.925.000	24.966.964
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở phải trả	50.407.500	50.407.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và chứng chỉ tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không có rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất do Quỹ không có các khoản đầu tư có thu nhập cố định.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm 2022, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quý đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quý ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quý thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Công ty quản lý quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quý cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quý có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quý dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2021</i> <i>VND</i>
Phải trả cho các Đại lý phân phối, công ty Quản lý Quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	2.132.165	30.268.212
Chi phí phải trả	99.000.000	122.474.296
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	7.050.000	20.550.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	43.262.572	260.768.600
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	645.759.186	1.460.398.889
	<u>797.203.923</u>	<u>1.894.459.997</u>

11/01/2023 09:34:11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	21.845.591.427	21.845.591.427
Các khoản đầu tư	345.828.367.350	345.828.367.350
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	405.075.000	405.075.000
	368.079.033.777	368.079.033.777
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho các Đại lý phân phối và công ty Quản lý Quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	2.132.165	2.132.165
Chi phí phải trả	99.000.000	99.000.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	7.050.000	7.050.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	43.262.572	43.262.572
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	645.759.186	645.759.186
	797.203.923	797.203.923

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.3*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	2,30%	2,24%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2*Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm) (%)	93,90%	89,28%

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
 Chủ tịch



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Công Ty
TNHH Quản
Lý Quỹ
MIRAE
ASSET (VIỆT
NAM) P

Digitally signed by Công Ty
TNHH Quản Lý Quỹ MIRAE
ASSET (VIỆT NAM)
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Quận Nam Từ Liêm,
CN=Công Ty TNHH Quản
Lý Quỹ MIRAE ASSET
(VIỆT NAM),
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:0102811624
Reason: I am approving this
document
Location:
Date: 2023-03-13 08:38:18
Foxit Reader Version: 9.0.1

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG
MIRAE ASSET VIỆT NAM
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM (“MAGEF”)

Kính gửi: Đại Hội Nhà Đầu Tư Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

Ban Đại Diện Quỹ MAGEF xin báo cáo tình hình hoạt động của Ban Đại Diện trong năm 2022 như sau:

1. Cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ:

Thành phần Ban Đại Diện Quỹ bao gồm:

- Ông Bùi Nam Giang – Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
- Bà Lê Thị Hương – Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ;
- Bà Trần Thái Phương Diệp – Thành viên Ban Đại Diện Quỹ.

Cơ cấu của Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ Quỹ MAGEF, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện Quỹ có 3 thành viên, trong đó có 2/3 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu thành viên Ban Đại Diện quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
- Thành viên Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
- Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng đủ tiêu chuẩn là thành viên độc lập theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Điều lệ Quỹ.

2. Hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2022:

Căn cứ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, trong năm 2022 Ban Đại Diện Quỹ MAGEF đã họp định kỳ mỗi quý một lần và các trường hợp họp bất thường theo đề xuất của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam), cụ thể như sau:

Họp định kỳ:

- Ngày 12/04/2022, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý I 2022;
- Ngày 11/07/2022, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý II 2022;
- Ngày 10/10/2022, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý III 2022;
- Ngày 10/01/2023, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý IV 2022.

Họp bất thường:

- Ngày 23/02/2022, Ban Đại diện Quỹ họp phê duyệt kế hoạch họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2022 của Quỹ MAGEF;
- Ngày 28/06/2022, Ban Đại diện Quỹ họp phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Quỹ MAGEF.

Các cuộc họp định kỳ và bất thường đều có số lượng thành viên dự họp đầy đủ, việc biểu quyết thông qua các vấn đề họp đều đảm bảo đúng theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Trân trọng.

**BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU
TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM**
Chủ tịch



Bùi Nam Giang

TỜ TRÌNH

V/v: nội dung họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm 2023

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM (“MAGEF”)

Căn cứ theo Điều lệ Quỹ MAGEF về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên thông qua, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) xin kính trình Nhà Đầu Tư xem xét và thông qua các vấn đề sau:

I. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023

1. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022

Năm 2022 là một năm nhiều sóng gió với thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine nổ ra từ tháng 2 khiến giá nhiều loại hàng hóa tăng mạnh. Trong suốt cả năm, Cục dự trữ liên bang Mỹ Fed liên tục tăng lãi suất với cường độ lớn để chống lạm phát. Việc đảo chiều chính sách này đã khiến lượng tiền rẻ trong giai đoạn 2020-2021 biến mất nhanh chóng. Thị trường chứng khoán toàn cầu chịu sự suy giảm đáng kể.

Về mặt vĩ mô, mặc dù các chỉ số của Việt Nam ghi nhận kết quả ấn tượng sau khi mở cửa hậu Covid như GDP tăng trưởng 8,02%, lạm phát chỉ đạt 3,15%, nhưng Việc cấm vận dầu Nga và lạm phát tăng cao khiến nền kinh tế các nước phương Tây tăng trưởng chậm lại, tiến dần đến ngưỡng suy thoái. Trong khi đó, những nước này lại là đối tác thương mại lớn của Việt Nam, nên số lượng đơn hàng cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, da giày, nông sản, vật liệu... giảm đáng kể. Hệ quả là nhiều nhà máy đã cắt giảm một phần lực lượng lao động, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng cũng yếu đi đáng kể.

Đầu năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp đà hưng phấn khi VNIndex đóng cửa ở đỉnh cao nhất lịch sử 1.528,57 điểm ngày 6/1. Tuy nhiên, chỉ vài tháng sau đó, một loạt các vụ án bị khởi tố liên quan đến thao túng giá cổ phiếu và vi phạm trong hoạt động phát hành trái phiếu tín dụng khiến tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng mạnh. Giống như trên thế giới, hai năm dịch Covid hoành hành ở Việt Nam, mặt bằng lãi suất thấp khuyến khích hoạt động vay nợ, khiến lượng tiền lưu thông trong thị trường chứng khoán rất lớn. Khi lãi suất tăng và kênh huy động trái phiếu bị kiểm soát chặt chẽ, dòng tiền đầu cơ không còn nữa. Thị trường bình ổn dần trong Quý 3 cho đến khi sự kiện Vạn Thịnh Phát xảy ra. Làn sóng bán tháo đã kích hoạt điều khoản giải chấp ở nhiều cổ phiếu khiến VNIndex có lúc rơi xuống dưới 900 điểm. Dòng tiền đứng ngoài đã kịp thời nhập cuộc để đưa chỉ số phục hồi.

Cộng hưởng các yếu tố cả trong lẫn ngoài nước, chỉ số VNIndex kết thúc năm 2022 ở mức 1007.09, giảm 32.8% so với đầu năm. Nếu tính từ đỉnh tới đáy trong năm thì VNIndex giảm hơn 40%. Hoạt động giao dịch vì thế cũng trầm lắng. Giá trị giao dịch trung bình ngày của sàn HOSE năm vừa qua chỉ đạt 17.000 tỷ đồng, giảm 21% so với năm 2021.

Khi nhà đầu tư trong nước liên tục bán ròng, dòng tiền ngoại là một điểm sáng cho thị trường Việt Nam, với chủ đạo từ quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF từ Đài Loan. Ước tính riêng quỹ này đã giải ngân hơn 12.000 tỷ đồng trong năm vừa qua. Tính chung trong cả năm, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 26.000 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

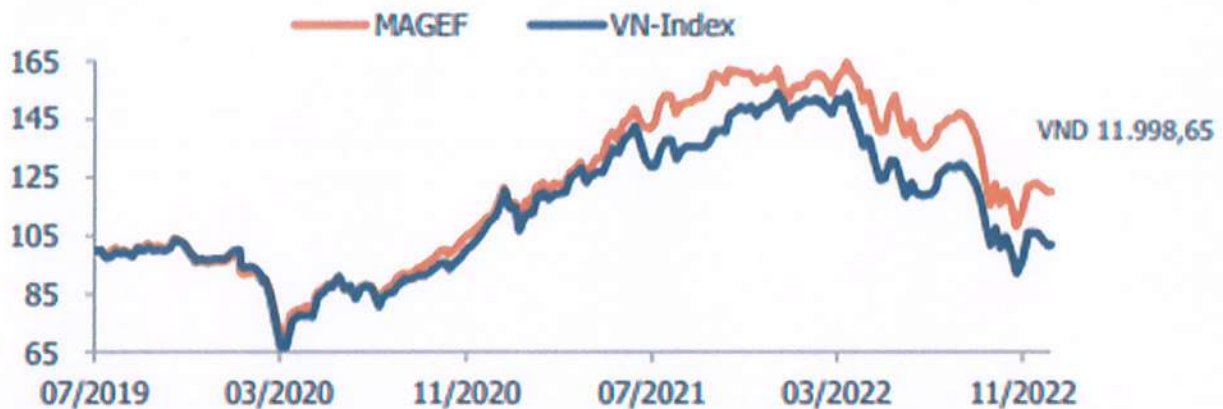
2. Kết quả hoạt động của Quỹ MAGEF

Tuy 2022 là một năm khó khăn đối với các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF) vẫn luôn duy trì tỷ lệ cổ phiếu trên 90% trong suốt cả năm. Chúng tôi tiếp tục duy trì trọng tâm danh mục vào các cổ phiếu niêm yết vốn hóa lớn có tính thanh khoản cao.

Đầu năm, chúng tôi duy trì tỷ trọng cao ở một số ngành có triển vọng kinh doanh tốt như thủy sản, hóa chất và những cổ phiếu này đã tăng giá khá tốt. Tuy nhiên, trước những biến động lớn của thị trường, chúng tôi đã giảm tỷ trọng ở những nhóm ngành chịu ảnh hưởng tiêu cực từ việc tăng lãi suất hay siết chặt thị trường trái phiếu như bất động sản, vật liệu xây dựng. Quỹ MAGEF đã phân bổ một phần đáng kể danh mục vào các cổ phiếu mang tính chất phòng thủ, là những công ty dẫn đầu trong những ngành ít mang tính chu kỳ (tiêu dùng thiết yếu, tiện ích, bảo hiểm...), có tình hình tài chính vững mạnh, dòng tiền ổn định. Kết quả là dù tăng trưởng âm, MAGEF vẫn có hiệu suất đầu tư vượt trội so với chỉ số tham chiếu VNIndex 7.87%. Dù vậy, diễn biến kém khả quan của thị trường đã khiến tổng giá trị tài sản ròng do MAGEF quản lý giảm 60% tính từ đầu năm 2022.

Hiệu quả đầu tư và phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Hình 1: Hiệu Suất Đầu Tư của Quỹ



	1 Tháng	3 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm	Từ khi thành lập
MAGEF	-1.47%	-8.00%	-24.91%	-24.91%	19.99%
VN Index	-3.94%	-11.04%	-32.78%	-32.78%	1.78%

Hình 2: Phân bổ tài sản theo ngành và Top 5 danh mục đầu tư

thành, mạng lưới logistics sẽ hoàn thiện hơn, đưa Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư FDI tiềm năng.

Tuy thị trường cổ phiếu, trái phiếu và đã chịu ảnh hưởng sau những hành động làm trong sạch từ cơ quan chức năng trong năm vừa rồi, chúng tôi tin rằng đây là động lực để thị trường hoạt động lành mạnh, an toàn, phát triển bền vững hơn trong những năm tiếp theo.

Chúng tôi cho rằng thanh khoản thị trường chứng khoán năm nay sẽ vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên, điều này là hoàn toàn bình thường khi thị trường vẫn ở vùng đáy. Định giá P/E năm 2023 của VNIndex đang ở quanh mức 10 lần, thấp hơn so với các thị trường trong ASEAN, và cũng thấp hơn so với trung bình quá khứ. Mặc dù tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể chậm lại trong năm nay, chúng tôi vẫn cho rằng mức định giá này đang ở vùng hấp dẫn, thích hợp để tăng cường giải ngân với tầm nhìn dài hạn. Dòng tiền đầu tư nước ngoài cũng được kỳ vọng sẽ gia tăng trong năm nay.

Nhìn chung, quan điểm của chúng tôi là thận trọng vừa phải trong nửa đầu năm và lạc quan hơn trong nửa cuối năm, khi nền kinh tế toàn cầu đi qua giai đoạn khó khăn nhất. Dựa trên quan điểm đó, chúng tôi sẽ bám sát và đánh giá diễn biến tình hình thị trường và doanh nghiệp nhằm xây dựng chiến lược phân bổ tài sản phù hợp theo mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ nhằm đảm bảo quyền lợi cho các Nhà Đầu Tư.

II. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Nhà Đầu Tư vui lòng xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) tại địa chỉ: <http://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-magef>

III. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Quỹ

Để đảm bảo việc tái đầu tư, gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất không phân chia lợi nhuận năm 2022 của Quỹ.

IV. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán cho quỹ năm tài chính 2022

Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Quỹ và có mức phí cạnh tranh.

V. Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023

1. Thù lao Ban Đại Diện Quỹ:

- Thù lao Ban Đại Diện Quỹ vẫn duy trì theo mức đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua năm 2022.

- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức ngân sách nêu trên.

2. Ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ:

Ban Đại Diện chủ yếu họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp tại trụ sở Công ty Quản Lý Quỹ nên chi phí liên quan đến họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ không đáng kể. Do đó, Công ty Quản Lý Quỹ xin đề xuất ngân sách hoạt động cho phần chi phí liên quan đến họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được ghi nhận theo số thực tế phát sinh. Chi tiết số liệu liên quan đến chi phí hoạt động của Ban Đại

TY
HỮU
QI
SS
NAM
A-T

Diện Quỹ năm 2023 (nếu có phát sinh) sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

VI. Quy chế biểu quyết và kiểm phiếu

1. Mục đích

Nhằm kết luận chính xác các vấn đề được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội.

2. Nguyên tắc biểu quyết

- Chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật và của Điều Lệ.
- Số phiếu biểu quyết được tính theo số đơn vị quỹ sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
- Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

3. Cách tiến hành

3.1. Quy định chung:

- Nhà Đầu Tư/người được ủy quyền tham dự Đại Hội có quyền biểu quyết sẽ được phát phiếu biểu quyết trước khi vào tham dự Đại Hội.
- Trên phiếu biểu quyết có các thông tin sau:
 - Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023
 - Mã số và/hoặc tên Nhà Đầu Tư/số phiếu biểu quyết
 - Phương thức biểu quyết: Đồng ý/Không đồng ý/Không có ý kiến

3.2. Phân loại phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu của Ban tổ chức, không tẩy xóa, không cạo sửa. Khi một vấn đề được nêu ra để biểu quyết, mỗi mã số Nhà Đầu Tư/mỗi Nhà Đầu Tư chỉ được sử dụng một phiếu biểu quyết, và chọn một trong ba phương thức biểu quyết nêu trên.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu không đáp ứng các quy định của phiếu biểu quyết hợp lệ.

3.3. Tổng hợp kết quả:

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết cho từng vấn đề.
- Khi tổng hợp kết quả, các phiếu biểu quyết không hợp lệ được tính là không tham gia biểu quyết.
- Biên bản kiểm phiếu phải có các kết quả sau:
 - Tỷ lệ số phiếu biểu quyết đồng ý trên tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp.
 - Tỷ lệ số phiếu biểu quyết không đồng ý trên tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp.

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết không có ý kiến trên tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp.

4. Kết quả biểu quyết

- Kết quả biểu quyết theo phần trăm được làm tròn đến hai (02) số thập phân.
- Các vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp tán thành.
- Ngoại trừ các trường hợp biểu quyết để quyết định các vấn đề: thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ thì chỉ được thông qua khi có trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp tán thành.
- Kết quả biểu quyết được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Hiệu lực

Cách thức biểu quyết nêu trên có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

Kính trình Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.
Trân trọng.

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**


CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)
HUU HONG SUK
Chủ tịch Công ty



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

Ngày tháng năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

(Dành cho người được ủy quyền tham dự họp trực tiếp tại Đại hội)

Kính gửi: Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)

Tên Nhà đầu tư:

là nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF).

Số CMND/CCCD/GPKD: cấp ngày tại

Email: Điện thoại:

Địa chỉ:

Số tài khoản giao dịch CCQ:

Tổng số chứng chỉ quỹ sở hữu:

Nay, Tôi ủy quyền cho:

1. Ông Huh Hong Suk – Chủ tịch Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Hoặc

2. Ông/bà:

Số CMND/CCCD: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Được quyền thay thế Tôi/ Công ty tham dự và biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên tổ chức năm 2023 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam tổ chức vào ngày 27/04/2023.

Người thụ ủy

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....

.....

*** Nhà đầu tư vui lòng gửi fax và bản chính Giấy Ủy quyền về địa chỉ sau:

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: +84 24 3564 0666

Fax: +84 24 3564 0555



PHIẾU BIỂU QUYẾT

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM (MAGEF)

I. THÔNG TIN VỀ QUỸ

- Tên Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM (MAGEF)**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên tiếng Anh: MIRAE ASSET VIETNAM GROWTH EQUITY FUND
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

II. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

- Tên Nhà đầu tư:
- Địa chỉ:
- Quốc tịch:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (*): Ngày cấp: Nơi cấp:
- Số GPTL/GPĐKKD (**): Ngày cấp: Nơi cấp:
- Số tài khoản giao dịch:
- Mã số giao dịch chứng khoán (***): do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp
- Tổng số chứng chỉ quỹ sở hữu:

(*): dành cho Nhà Đầu Tư cá nhân
tổ chức nước ngoài

(**): dành cho Nhà Đầu Tư tổ chức

(***): dành cho cá nhân hoặc



Thông tin yêu cầu bổ sung của Nhà Đầu Tư tổ chức:

Người đại diện theo pháp luật:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

III. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

Thông qua các vấn đề cần được biểu quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam.

IV. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT

Tôi/ Chúng tôi là Nhà Đầu Tư của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirea Asset Việt Nam xác nhận ý kiến biểu quyết thông qua được nêu dưới đây là chính xác và không thay đổi trong mọi trường hợp:

I. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023

- Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

II. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ

- Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

III. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

IV. Thông qua việc Đại hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều Lệ Quỹ và có mức phí cạnh tranh.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

V. Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023, cụ thể như sau:

- Thù lao Ban Đại Diện Quỹ vẫn duy trì theo mức đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua năm 2022. Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức ngân sách nêu trên.
- Ngân sách hoạt động cho phân chi phí liên quan đến họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được ghi nhận theo số thực tế phát sinh. Chi tiết số liệu liên quan đến chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 (nếu có phát sinh) sẽ được Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

NHÀ ĐẦU TƯ¹

(Ký tên đối với Nhà Đầu Tư cá nhân/Ký tên, đóng dấu đối với Nhà Đầu Tư tổ chức)



Họ và tên:

Chức vụ:

Ngày:

1 Lưu ý: chữ ký của Nhà Đầu Tư phải là chữ ký của chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG
TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM

-----000-----

Số: /2023/NQ-ĐHNĐT-MAGEF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

QUẢN LÝ QUỸ

MIRAE ASSET

(VIỆT NAM)

Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Ngày

tháng

năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 số ngày tháng năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2022 và chiến lược đầu tư năm 2023 của Quỹ (theo tờ trình đính kèm của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)).

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ.

Điều 3: Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022.

Điều 4: Thông qua việc Đại hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều Lệ Quỹ và có mức phí cạnh tranh.

Điều 5. Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023, cụ thể như sau:

- Thù lao Ban Đại Diện Quỹ vẫn duy trì theo mức đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua năm 2022. Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức ngân sách nêu trên.
- Ngân sách hoạt động cho phần chi phí liên quan đến họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được ghi nhận theo số thực tế phát sinh. Chi tiết số liệu liên quan đến chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 (nếu có phát sinh) sẽ được Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

Điều 6. Nghị Quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.

TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Chủ tịch

BÙI NAM GIANG

HUH HONG SUK